

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 308/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng, bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy -Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tăng Thị H (tên gọi khác Tăng Thị Ng)**, sinh năm 1982.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người được chị H (Ng) ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Bà **Tăng Thị Ng**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gi(nay là xã L, thành phố H), tỉnh

Hải Dương vào ngày 08/01/2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Để phát triển kinh tế gia đình anh chị cùng bàn bạc để chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) vào năm 2015. Trong thời gian ở nước ngoài, nhiều lần chị gửi tiền về nH anh H đều sử dụng để chơi cờ khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không có sự tin tưởng nhau. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên bảo nH anh H không có sự thay đổi mà còn xúc phạm đến chị cùng gia đình bên ngoại. Thời gian gần đây chị về nước nghỉ phép nH anh H đuổi đánh chị, không cho chị ở nhà cùng các con. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân và không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Lê Thị H, sinh ngày 23/4/2002, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 12/7/2007 và Lê Minh Nh, sinh ngày 30/12/2012 hiện đang ở cùng với anh H. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các con chung, trường hợp các con chung có nguyện vọng được ở cùng với anh H thì chị cũng nhất trí và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng với các con theo quy định. Trường hợp các con chung có nguyện vọng được ở cùng với chị thì chị cũng đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định. Do chị tiếp tục đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nên trong trường hợp được nuôi con thì chị ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Tăng Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị không ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Lê Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc. Thời gian sau này anh chị thống nhất để chị H đi lao động tại nước ngoài, mấy tháng đầu chị H có gửi tiền về nH sau này chị H không quan tâm, liên lạc, một mình anh phải chăm sóc các con nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Gần đây chị H về nước nH vợ chồng cũng không nói chuyện và chia sẻ được với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bản thân anh cũng không thể níu kéo được quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung vợ chồng anh có ba con chung như chị H trình bày, hiện các con chung đang ở cùng với anh. Trường hợp có căn cứ giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị Tòa án hỏi ý kiến, nguyện vọng của các con chung, trường hợp ai nuôi con thì người kia phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh xác định từ ngày kết hôn, anh chị có vay nợ của một số người thân trong gia đình với tổng số nợ hơn 400 triệu đồng, trong đó đã trả nợ ngân hàng 150 triệu đồng, số nợ còn lại 270 triệu đồng chưa trả nên anh cùng chị H phải có trách nhiệm trả khoản nợ này. Ngoài ra, anh yêu cầu chị H giải trình khoản thu nhập có được trong quá trình ở nước ngoài.

Con chung Lê Thị Ngọc A, Lê Minh Nh có nguyện vọng được ở cùng với bố là Lê Văn H.

Theo biên bản xác minh tại địa phương nơi các đương sự sinh sống và đăng ký kết hôn thể hiện: Chị Tăng Thị H (Ng) và anh Lê Văn H kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, khu dân cư được biết anh chị xảy ra mâu thuẫn trong thời gian chị H đi lao động ở nước ngoài, nguyên nhân là do anh vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Thực tế anh chị mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét ý kiến các đương sự và quy định pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Tăng Thị H (Ng), bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX), các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 110, 116 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) ly hôn anh Lê Văn H; Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 12/7/2007 và Lê Minh Nh, sinh ngày 30/12/2012 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 con chung/01tháng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian nghỉ phép về nước chị H đã gửi đơn xin ly hôn cùng các tài liệu kèm theo đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị H (Ng), anh H vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) và anh Lê Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gi(nay là xã L, thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 08/01/2002, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, mỗi người ở một nơi, không có sự tin tưởng nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân,

không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, anh chị không còn nói chuyện được với nhau, anh cũng không thể níu kéo và đưa ra được biện pháp cải thiện quan hệ hôn nhân. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H (Ng) và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H (Ng) ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) và anh Lê Văn H có ba con chung là Lê Thị H, sinh ngày 23/4/2002, hiện đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết; Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 12/7/2007 và Lê Minh Nh, sinh ngày 30/12/2012. Xét về thực tế hai con chung Ngọc Anh, Minh Nhật đang ở cùng với anh H và đều có nguyện vọng ở với bố, chị H (Ng) hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Lê Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 12/7/2007 và Lê Minh Nh, sinh ngày 30/12/2012 là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị H (Ng) có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị H có quan điểm trường hợp anh H chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, chị sẽ nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh H xác định khi nuôi con phải có nhiều khoản chi phí sinh hoạt hàng tháng và phục vụ nhu cầu học tập của các con chung nên yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. HĐXX thấy chị H hiện đang lao động tại nước ngoài và có thu nhập, các con chung đang trong độ tuổi đi học. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mức chi phí sinh hoạt phục vụ nhu cầu thiết yếu cho trẻ trong độ tuổi trên là 3.000.000 đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên và khả năng cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, cần buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000đồng/01 con chung/01 tháng, cả 02 con chung là 3.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tăng Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình làm việc, anh H có trình bày một số khoản nợ chung của vợ chồng đồng thời yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ và giải trình khoản thu nhập trong thời gian lao động ở nước ngoài. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu anh H cung cấp đơn yêu cầu cùng các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung, khoản nợ của vợ chồng. NH đã hết thời hạn đã ấn định, kể từ ngày nhận Quyết định, anh H không làm đơn yêu cầu giải quyết về

tài sản, nợ chung, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đối với các khoản nợ và tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H (Ng) cung cấp cho Tòa án các tài liệu, biên lai gửi tiền từ nước ngoài về cho anh H. Tuy nhiên chị H (Ng) không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh H, chị H trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tăng Thị H (Tăng Thị Ng)** ly hôn anh **Lê Văn H**.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 12/7/2007 và Lê Minh Nh, sinh ngày 30/12/2012. Buộc chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Lê Thị Ngọc A là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và Lê Minh Nh là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002145 ngày 19/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Tăng Thị H (Tăng Thị Ng) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân